

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị Ngọc B, sinh năm 1992

Bị đơn: Anh Ma Văn N, sinh năm 1985

Cùng nơi thường trú: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm K, xã Y, tỉnh Thái Nguyên)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 52, 54, 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 06 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 06 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ma Thị Ngọc B và anh Ma Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Ma Thị Ngọc B và anh Ma Văn N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Ma Thu T, sinh ngày 10/03/2011 và Ma Tiến T1, sinh ngày 14/03/2014. Các đương sự thống nhất thỏa thuận:

Giao 02 (hai) con chung Ma Thu T, sinh ngày 10/03/2011 và Ma Tiến T1, sinh ngày 14/03/2014 cho chị Ma Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ma Văn N có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh N xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị Ma Thị Ngọc B tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004917 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4-Thái Nguyên). Hoàn trả cho chị Ma Thị Ngọc B 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4-Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bích Hiền

